TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 736/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 24 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 771/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Đỗ Duy H,** sinh năm 1981; địa chỉ: Số 27/65/93 T, phường V, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. **Chị Lê Thị Bích C,** sinh năm: 1993; địa chỉ: Số 27/65/93 T, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Duy H và chị Lê Thị Bích C thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Duy H và chị Lê Thị Bích C xác nhận có 03 con chung là Đỗ Duy H2, sinh ngày 28/6/2014, Đỗ Duy H3, sinh ngày 09/3/2018 và Đỗ Gia H4, sinh ngày 16/12/2019

Anh H và chị C thoả thuận: Giao con Đỗ Duy H2 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao hai con Đỗ Duy H3 và Đỗ Gia H4 cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Anh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con H3, H4 đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị C xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh H và chị C xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh H, chị C đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0004670 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H1.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đỗ Duy H và chị Lê Thị Bích C thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao con Đỗ Duy H2, sinh ngày 28/6/2014 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao hai con Đỗ Duy H3, sinh ngày 09/3/2018 và Đỗ Gia H4, sinh ngày 16/12/2019 cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Anh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con H3, H4 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về tài sản chung*: Anh H và chị C xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh H và chị C xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh H, chị C đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0004670 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP H1;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H1;
- Các đương sự;
- UBND phường V
(ĐKKH số 17 ngày 20/02/2014);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú